

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 25-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng và ông Trần Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đinh Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 102/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kim T; sinh ngày 10/10/1991 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKHKTT: khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: A H, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1961 và bà Lâm Thị S, sinh năm 1962; bị cáo có chồng là Ngô Trần V, sinh năm 1977 và có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Đặng Minh Q, sinh ngày 12/10/1988 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKHKTT: Hẻm C L, tổ F, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Hẻm B N, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh vận tải; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đặng Văn N, sinh năm 1962 và bà Diệp Thị Thu H, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Nguyễn Phương T2, sinh năm 1995 và có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Hồ Thị Bích T3, sinh ngày 24/9/1976 tại tỉnh Bình Định; nơi ĐKKHKT: D T, tổ B, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: C N, tổ D, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kinh doanh; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Hồ Minh C, sinh năm 1953 và bà Huỳnh Thị S1, sinh năm 1952; bị cáo có chồng là Ngô Tấn D, sinh năm 1977 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Thị H1, sinh ngày 14/2/1985 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: 3 P, tổ F, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Kế toán; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1953 và bà Thiều Thị T5, sinh năm 1957; bị cáo có chồng là Nguyễn Bá Q1, sinh năm 1973 và có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 21/10/2021 đến ngày 29/10/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Thành D1 là người thành lập và điều hành Công ty Cổ phần V1, MST: 5901002844, địa chỉ tại thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (viết tắt là Công ty V1), đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 08/01/2015 với tên gọi là Công ty TNHH Q2, đăng ký địa chỉ tại: 0 đường L, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Dư giao cho vợ là Nguyễn Huy Anh T6 làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của công ty nhưng trên thực tế mọi hoạt động của công ty đều do Dư quản lý, điều hành. Công ty V1 hoạt động kinh doanh ga ra, sửa chữa, vận tải hàng hóa. Từ năm 2019 đến nay, Công ty V1 kinh doanh thêm dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi. Ngoài ra, Đặng Thành D1 còn thành lập, điều hành hoạt động và đứng tên Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Q3, MST: 5901011493, địa chỉ tại lô B, khu T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (viết tắt là Công ty Q4), đăng ký lần đầu ngày 27/4/2015, ngành nghề kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Hiện nay, không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh, đã tạm dừng hoạt động từ tháng 7/2021.

Kết quả điều tra xác định từ năm 2018 đến năm 2021, Đặng Thành D1 cùng với Nguyễn Huy Anh T6, các kế toán của Công ty V1, Công ty Q4 qua các giai đoạn

gồm: Hà Thị Huyền T7, Đào Thị Yến L và Lê Thị Hiền N1 đã thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt hóa đơn GTGT), cụ thể: Đã mua trái phép 676 số hóa đơn GTGT (đã ghi nội dung tổng tiền hàng chưa thuế là 43.218.958.902 đồng, tiền thuế GTGT là 4.321.895.890 đồng, tổng cộng 47.540.854.792 đồng) của 11 doanh nghiệp để kê khai hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào cho Công ty V1 và Công ty Q4 với số tiền mua là 1.592.543.950 đồng và đã bán trái phép 321 số hóa đơn GTGT (đã ghi nội dung tổng tiền hàng chưa thuế là 43.634.157.317 đồng, tiền thuế GTGT: 4.363.415.732 đồng, tổng cộng: 47.997.573.049 đồng) cho 25 doanh nghiệp khác với số tiền bán là 2.638.570.884 đồng.

Trong đó, Đặng Thành D1 đã mua bán trái phép tổng cộng 997 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung, thu lợi bất chính số tiền 1.046.026.934 đồng; Hà Huyền T7 đồng phạm với Đặng Thành D1, trong việc mua bán trái phép 891 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung và giúp sức cho D1 trong việc thu lợi bất chính số tiền 1.069.398.084 đồng; Nguyễn Huy Anh T6 đã đồng phạm với Đặng Thành D1 trong mua bán trái phép 635 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung và giúp sức cho D1 trong việc thu lợi bất chính số tiền 745.256.487 đồng; Lê Thị Hiền N1 đồng phạm với D1 bán trái phép 15 số hóa đơn GTGT ghi nội dung của Công ty V1 xuất cho Công ty H4 thông qua Trần Thị Thu T8 với số tiền bán là 20.656.706 đồng và mua trái phép 25 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của DNTN Thương mại T11 xuất cho Công ty V1, tổng cộng, N1 đã tham gia mua bán trái phép 40 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung; Đào Thị Yến L đã đồng phạm với D1 mua tổng cộng 34 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của DNTN Thương mại T11 xuất cho Công ty V1, Công ty Q4.

Trong số các cá nhân mua bán trái phép hóa đơn với Đặng Thành D1, có Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1, hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

- Đối với Nguyễn Thị Kim T, đứng tên Giám đốc Công ty TNHH V2 (địa chỉ: Số C N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định), Công ty TNHH T12 (địa chỉ: Số C đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định) và phụ trách kế toán, theo dõi về tài chính, trả lương nhân viên và xuất hóa đơn cho khách hàng đối với 04 Công ty do Ngô Trần V (chồng của T) quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh gồm: Công ty TNHH T13 (địa chỉ: Số B T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định); Công ty TNHH D2 (địa chỉ: Quốc lộ A, khu phố A, phường H, TX H, tỉnh Bình Định); Công ty TNHH X (địa chỉ: Số C, đường N, phường Q, thành phố Q, tỉnh Bình Định); Công ty TNHH X1 (địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định). Từ tháng 7/2020 đến

tháng 6/2021, Nguyễn Thị Kim T đã bán trái phép tổng cộng 286 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của 06 doanh nghiệp do T quản lý, điều hành cho Đặng Thành D1 và thu lợi bất chính số tiền là 1.390.600.000 đồng.

- Đối với Đặng Minh Q: Đặng Minh Q là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV V3. Từ năm 2018 đến năm 2021, Q là người môi giới mua hóa đơn của D1 để bán lại cho người khác kiếm tiền lời chênh lệch hoặc Q trực tiếp mua hóa đơn của D1 để xuất cho khách hàng có liên quan đến các cá nhân và 12 doanh nghiệp, với số lượng hóa đơn mua bán trái phép là 195 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung, thu lợi bất chính được tổng số tiền 222.463.766 đồng.

- Đối với Hồ Thị Bích T3 là Giám đốc Doanh nghiệp tư nhân T14, kinh doanh dịch vụ vận chuyển hàng hóa. Trong các năm 2020-2021, T14 nhận vận chuyển cho Công ty TNHH S2, công ty TNHH D3 và Công ty TNHH MTV H5. Vì T14 không có đủ xe để vận chuyển các đơn hàng của 03 công ty này nên T3 đã thuê lại Q vận chuyển rồi yêu cầu Q xuất hóa đơn cho 03 công ty trên. Sau đó, Quyền tiến hành vận chuyển hàng hóa cho 03 công ty trên rồi liên hệ với D1 để mua hóa đơn xuất cho các công ty này. Quyền đã mua 25 số hóa đơn của Công ty V1 xuất cho Công ty S2 (chỉ sử dụng 22 số hóa đơn), mặt hàng xuất là dịch vụ vận chuyển, tổng tiền hàng chưa thuế: 7.895.547.000 đồng, thuế GTGT: 789.554.700 đồng; Q đã mua 22 số hóa đơn của Công ty V1 xuất cho Công ty D3, mặt hàng vận chuyển, tổng tiền hàng chưa thuế: 1.588.787.200 đồng, tiền thuế GTGT: 158.878.720 đồng và mua 09 số hóa đơn (gồm 07 số hóa đơn của Công ty V1, 02 số hóa đơn của Công ty Q4) xuất cho Công ty H5, mặt hàng vận chuyển, có tổng tiền hàng chưa thuế: 2.729.529.497 đồng, tiền thuế GTGT: 272.952.950 đồng. Số tiền T3 thu lợi bất chính là 212.501.530 đồng (tương ứng 02% tiền hàng chưa thuế của 22 số hóa đơn Công ty V1 xuất cho Công ty S2 và 09 số hóa đơn của Công ty V1, Công ty Q4 xuất cho Công ty H5).

Ngoài ra, từ tháng 9/2020 đến tháng 9/2021, Quyền điều hành nhiều xe cá nhân vận chuyển hàng hóa cho T14 rồi liên hệ với D1 để mua 08 số hóa đơn của Công ty V1 để xuất cho T14, mặt hàng vận chuyển, tiền hàng chưa thuế: 3.873.109.000 đồng, thuế GTGT: 387.310.900 đồng. Quyền giao lại các hóa đơn này cho T3 và thu 8% tiền hàng chưa thuế trên các hóa đơn.

- Đối với Nguyễn Thị H1, là kế toán của 02 doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân C1 (nay là Công ty TNHH MTV C2) và doanh nghiệp tư nhân T15. Từ năm 2018 đến năm 2021, H1 đã bàn bạc thỏa thuận với Đoàn Trọng H2 để bán trái phép 26 số GTGT (ghi mặt hàng xăng dầu, tổng tiền hàng chưa thuế: 1.824.101.342 đồng,

thuế GTGT: 182.410.134 đồng) của C1 cho Công ty V1, công ty Q4 của D1 với giá 38.694.100 đồng. Đồng thời, H1 cũng bàn bạc với Phạm Thị Á để bán trái phép 43 số GTGT (ghi mặt hàng xăng, dầu, tổng tiền hàng chưa thuế: 4.842.659.997 đồng, thuế GTGT: 484.266.003 đồng) của T15 cho công ty V1, công ty Q4 của D1 với giá 89.220.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của H1 là 127.914.100 đồng, trong đó H1 trực tiếp thu lợi bất chính 24.356.300 đồng, giúp sức cho Phạm Thị Á thu lợi bất chính 71.360.000 đồng, giúp sức cho Đoàn Trọng H2 thu lợi bất chính 32.197.800 đồng.

Cáo trạng số 158/CT-VKSGL-P1 ngày 04 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:

Truy tố các bị cáo: Đặng Thành D1, Nguyễn Huy Anh T6, Hà Thị Huyền T7, Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Truy tố Nguyễn Văn L1, Nguyễn Thị Hồng N2, Nguyễn Thị Thu H3, Trần Thị O, Trần Thị Thu T8, Phạm Thị Á, Lê Thị Hiền N1, Đặng Thị T9, Ngô Khắc B, Đào Thị Yến L, Võ Văn T10, Lê Thị L2 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; Truy tố Nguyễn Văn N3, Đoàn Trọng H2, Lê Thị Tuyết B1, Lê Văn L3, Lê Văn N4 về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án sơ thẩm số Tại Bản án số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1 phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 300.000.000 đồng.
- Xử phạt bị cáo Đặng Minh Q 250.000.000 đồng.
- Xử phạt bị cáo Hồ Thị Bích T3 250.000.000 đồng.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên bố về tội danh, quyết định mức hình phạt đối với 20 bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đặng Thành D1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Hà Thị Huyền T7, Đào Thị Yến L, Nguyễn Huy Anh T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt tiền; bị cáo Lê

Thị Hiền N1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1 không kháng cáo.

Tại Bản án phúc thẩm số 184/2024/HS-PT ngày 06/5/2024, Hội đồng xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đặng Thành D1; sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Hà Thị Huyền T7, Nguyễn Huy Anh T6, Lê Thị Hiền N1, Đào Thị Yên L; đồng thời, kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, hủy Bản án sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3 và Nguyễn Thị H1 để xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 05/2024/KN-HS ngày 09/7/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 01/10/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3 và Nguyễn Thị H1; giao hồ sơ Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại.

Tại Quyết định số 19/2024/HS-GĐT ngày 13/8/2024, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định: Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Nguyễn Thị H1, Hồ Thị Bích T3 đã giao nộp:

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim T nộp Biên lai thu tiền số 0000622; 0000621 cùng ngày 21/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thể hiện đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và nộp 300.000.000 đồng tiền phạt theo quyết định của Bản án số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo Đặng Minh Q nộp Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0000124 ngày 22/7/2024 và Biên lai thu tiền số 0000585 ngày 24/5/2024 của Cục Thi hành án tỉnh Gia Lai thể hiện đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 250.000.000 đồng

tiền phạt theo quyết định của Bản án số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo Hồ Thị Bích T3 nộp Biên lai số 0000565 ngày 09/5/2024 của Cục Thi hành án tỉnh Gia Lai thể hiện đã nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm và 250.000.000 đồng tiền phạt theo quyết định của Bản án số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp các Biên lai thu tiền số 0000467 ngày 26/01/2024 và Biên lai thu tiền số 0000564 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thể hiện đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000.000 đồng tiền phạt, tổng cộng là 200.200.000 đồng theo quyết định của Bản án số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

* Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng và các bản án sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 đã xét xử. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

* Kiểm sát viên có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 35; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 35 Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T từ 350.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Minh Q từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Hồ Thị Bích T3 từ 250.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 200.000.000 đến 250.000.000 đồng.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 đã có hiệu lực pháp luật nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia lai đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1 phạm tội: “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo không có kháng cáo và tại Quyết định số 19/2024/HS-GĐT ngày 13/8/2024, Ủy ban

Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chỉ hủy Bản án số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1.

Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật và đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm chính sách của Nhà nước về quản lý hóa đơn, chứng từ, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong hoạt động kinh doanh. Trong đó:

Bị cáo Nguyễn Thị Kim T đã có hành vi ghi nội dung hóa đơn GTGT bán trái phép cho Đặng Thành D1 tổng cộng 286 số hóa đơn GTGT và thu lợi bất chính số tiền 1.390.600.000 đồng.

Bị cáo Đặng Minh Q đã liên hệ, thỏa thuận với Đặng Thành D1 để mua trái phép tổng cộng 195 số hóa đơn GTGT, đã ghi nội dung của Công ty V1, Công ty Q4 xuất bán cho 12 doanh nghiệp khác, thu lợi bất chính được tổng số tiền 222.463.766 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị H1 đã bán trái phép 26 số hóa đơn GTGT của C1 và 43 số hóa đơn GTGT của T15 cho Đặng Thành D1. Số tiền thu lợi bất chính là 127.914.100 đồng, trong đó H1 trực tiếp thu lợi bất chính 24.356.300 đồng, giúp sức cho Phạm Thị Á thu lợi bất chính 71.360.000 đồng và giúp sức cho Đoàn Trọng H2 thu lợi bất chính 32.197.800 đồng.

Bị cáo Hồ Thị Bích T3 là người đã đồng phạm với bị cáo Đặng Minh Q mua trái phép tổng cộng 53 số hóa đơn GTGT đã ghi nội dung của Công ty V1 xuất cho Công ty S2, Công ty D3, Công ty H5 và 08 số hóa đơn GTGT của Công ty V1 xuất cho T14, tổng cộng 61 số hóa đơn GTGT. Số tiền T3 đã thu lợi bất chính là 212.501.530 đồng.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- **Về tình tiết tăng nặng:** Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị H1, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3 phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- **Về tình tiết giảm nhẹ:**

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo Nguyễn Thị

Kim T đã nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính là 150.000.000 đồng (trong đó nộp 50.000.000 đồng trong quá trình điều tra và nộp 100.000.000 đồng sau khi có Quyết định Giám đốc thẩm), các bị cáo Nguyễn Thị H1, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3 đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; riêng bị cáo H1 có bố là người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì. Do đó, các bị cáo được áp dụng quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt.

- **Về nhân thân:** Các bị cáo còn lại có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- **Về hình phạt đối với các bị cáo:**

Theo Quyết định giám đốc thẩm đánh giá vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị H1, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3 là nghiêm trọng; cả 4 bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng định khung hình phạt tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo T là người thu lợi bất chính số tiền rất lớn 1.390.600.000 đồng nhưng chỉ mới nộp lại số tiền rất nhỏ 50.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là chưa nghiêm, không đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục và không công bằng so với các bị cáo khác trong vụ án. Việc áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo T còn không đảm bảo tính khả thi của phán quyết vì T mới chỉ nộp lại số tiền rất nhỏ so với số tiền bị cáo thu lợi bất chính, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo T là nghiêm trọng hơn so với các bị cáo khác nên cần có mức hình phạt đủ nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đảm bảo được tính răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với các bị cáo Q, T3 và H1 khi xét xử lại Tòa án cấp sơ thẩm cần căn cứ vào tính chất hành vi, hậu quả của vụ án, số tiền thu lợi bất chính và các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân để quyết định hình phạt cho phù hợp, đảm bảo công bằng so với các bị cáo khác trong cùng vụ án, bảo đảm đúng qui định pháp luật.

Tuy nhiên xét thấy sau phạm tội các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác giúp cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án; sau khi xét xử sơ thẩm và đến nay các bị cáo đã chủ động thi hành xong toàn bộ hình phạt chính trong đó: Bị cáo T đã nộp thi hành 300.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền ngày 21/6/2024); bị cáo H1 đã nộp thi hành xong hình phạt chính số tiền phạt 200.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền ngày 26/01/2024 và 08/5/2024); bị cáo T3 đã nộp thi hành xong hình phạt chính số tiền 250.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền ngày 09/5/2024) và bị cáo Q đã nộp thi hành xong hình phạt chính số tiền 250.000.000 đồng (theo biên lai

thu tiền ngày 24/5/2024). Ngoài ra trong quá trình điều tra các bị cáo Q, T3 và H1 cũng đã nộp thi hành xong toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bị cáo T nộp số tiền 150.000.000 đồng (trong đó nộp trong quá trình điều tra 50.000.000 đồng, đến nay đã nộp thêm 100.000.000 đồng theo biên lai thu tiền ngày 25/10/2024).

Điều đó thể hiện các bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo gồm có phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng. Do đó, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ áp dụng hình phạt tiền với mức cao hơn cho phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo và bảo đảm tính công bằng về hình phạt so với các bị cáo khác trong vụ án.

Vì các bị cáo đã chấp hành xong phần hình phạt chính của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, do đó các bị cáo chỉ phải nộp thêm số tiền còn phải nộp sau khi khấu trừ đi số tiền đã nộp trước đó.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2024/HSST ngày 10/01/2024 đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Đặng Minh Q, Hồ Thị Bích T3, Nguyễn Thị H1 phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 35; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim T 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), nhưng được trừ đi số tiền 300.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 000621 ngày 21/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo phải tiếp tục nộp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Đặng Minh Q 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nhưng được trừ đi số tiền 250.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000585 ngày 24/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo phải tiếp tục nộp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Hồ Thị Bích T3 từ 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), nhưng được trừ đi số tiền 250.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000565 ngày 09/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo phải tiếp tục nộp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nhưng được trừ đi số tiền 200.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000467 ngày 26/01/2024 và Biên lai thu tiền số 0000564 ngày 08/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, buộc bị cáo phải tiếp tục nộp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VPCQ CSĐT Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Sinh